

Số: 3748 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 10631/TTr-SGTVT ngày 13 tháng 8 năm 2024,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 56 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy trình nội bộ số thứ tự 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 tại Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019; số thứ tự 2, 3, 6, 7 tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2020; số 16 tại Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021; số thứ tự 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 tại Quyết định số 4225/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021; số thứ tự 1, 2 tại Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2022; số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 tại Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022; số thứ tự 17, 18 tại Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024; số thứ tự 11 tại Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TTUB: CT; các PCT;
- VPUB: CPVP;
- Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố (đề cập nhật Hệ thống thông tin giải quyết TTHC);
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KSTT/H.



**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

STT	TÊN QUY TRÌNH TTHC	GHI CHÚ
<b>I. Lĩnh vực đường bộ</b>		
<b>1. Quy trình nội bộ mới</b>		
1	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	
2	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	
<b>2. Quy trình nội bộ được sửa đổi, bổ sung, thay thế</b>		
4	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	
5	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	
6	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động	
7	Cấp mới Giấy phép lái xe	
8	Cấp lại Giấy phép lái xe	
9	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	
10	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	
11	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	

STT	TÊN QUY TRÌNH TTHC	GHI CHÚ
12	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	
13	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	
14	Cấp Giấy phép xe tập lái	
15	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	
16	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	
17	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	
18	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	
19	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	
20	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	
21	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	
22	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
23	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	
24	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	
25	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
26	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	
27	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	
28	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	
29	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	

STT	TÊN QUY TRÌNH TTHC	GHI CHÚ
30	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
31	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
32	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	
33	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	
34	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
35	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
36	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	
37	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
38	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	
39	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	
40	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	
41	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
42	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	
43	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	
44	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
45	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	
46	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	

STT	TÊN QUY TRÌNH TTHC	GHI CHÚ
47	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	
48	Đăng ký khai thác tuyến vận tải	
49	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	
50	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	
51	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	
52	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	
53	Cấp mới Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	
<b>II. Lĩnh vực đăng kiểm (đường thủy nội địa)</b>		
<b>1. Quy trình nội bộ mới</b>		
54	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện nhập khẩu	
55	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	
<b>2. Quy trình nội bộ được sửa đổi, bổ sung, thay thế</b>		
56	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	